



Nhắc lại Mạng máy tính

cuu duong than cong . com

MẠNG MÁY TÍNH NÂNG CAO

Inson@fit.hcmus.edu.vn

cuu duong than cong . com



Phần 1

cuu duong than cong . com

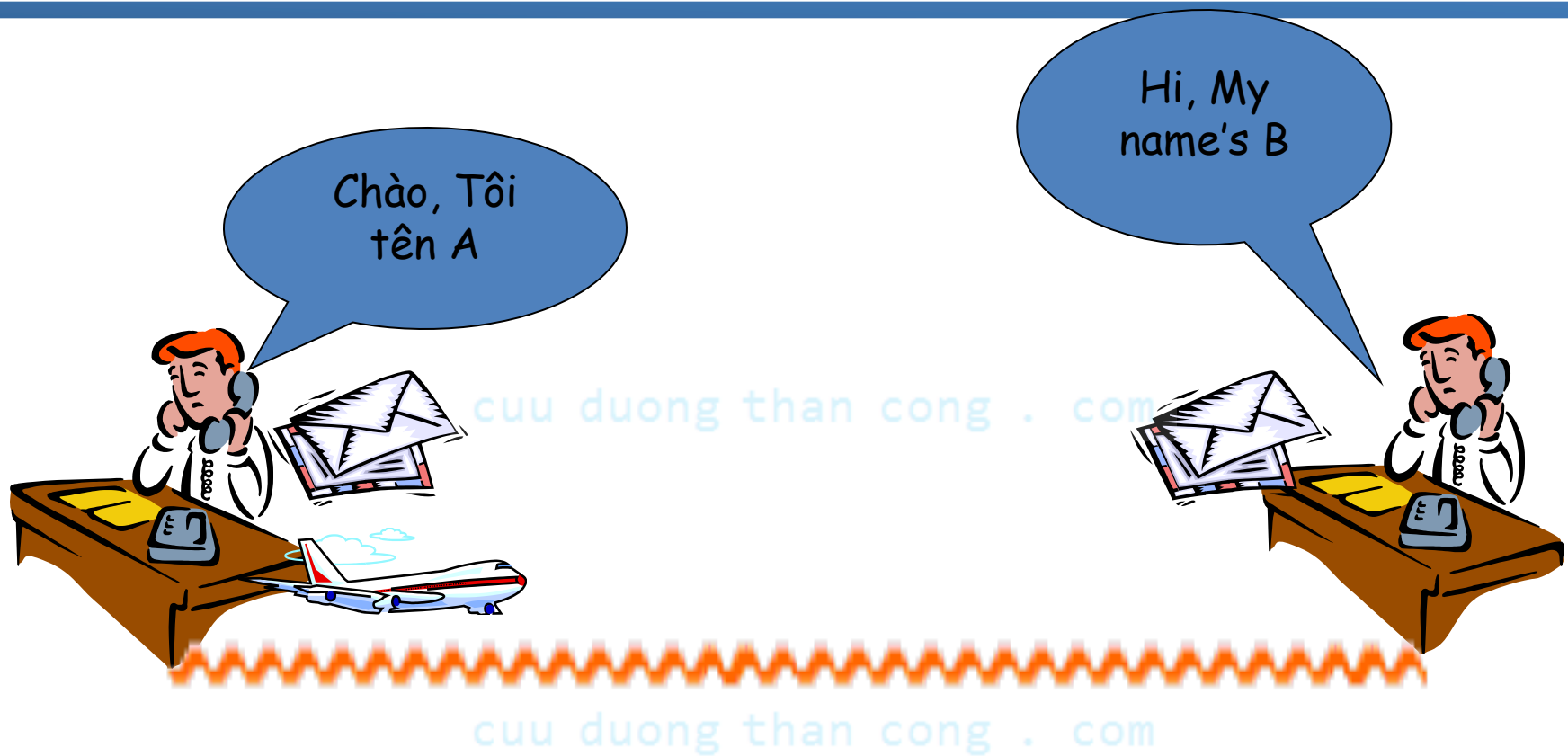
cuu duong than cong . com

1. Giới thiệu
2. Mô hình OSI
3. Mô hình TCP/IP
4. Đóng gói dữ liệu

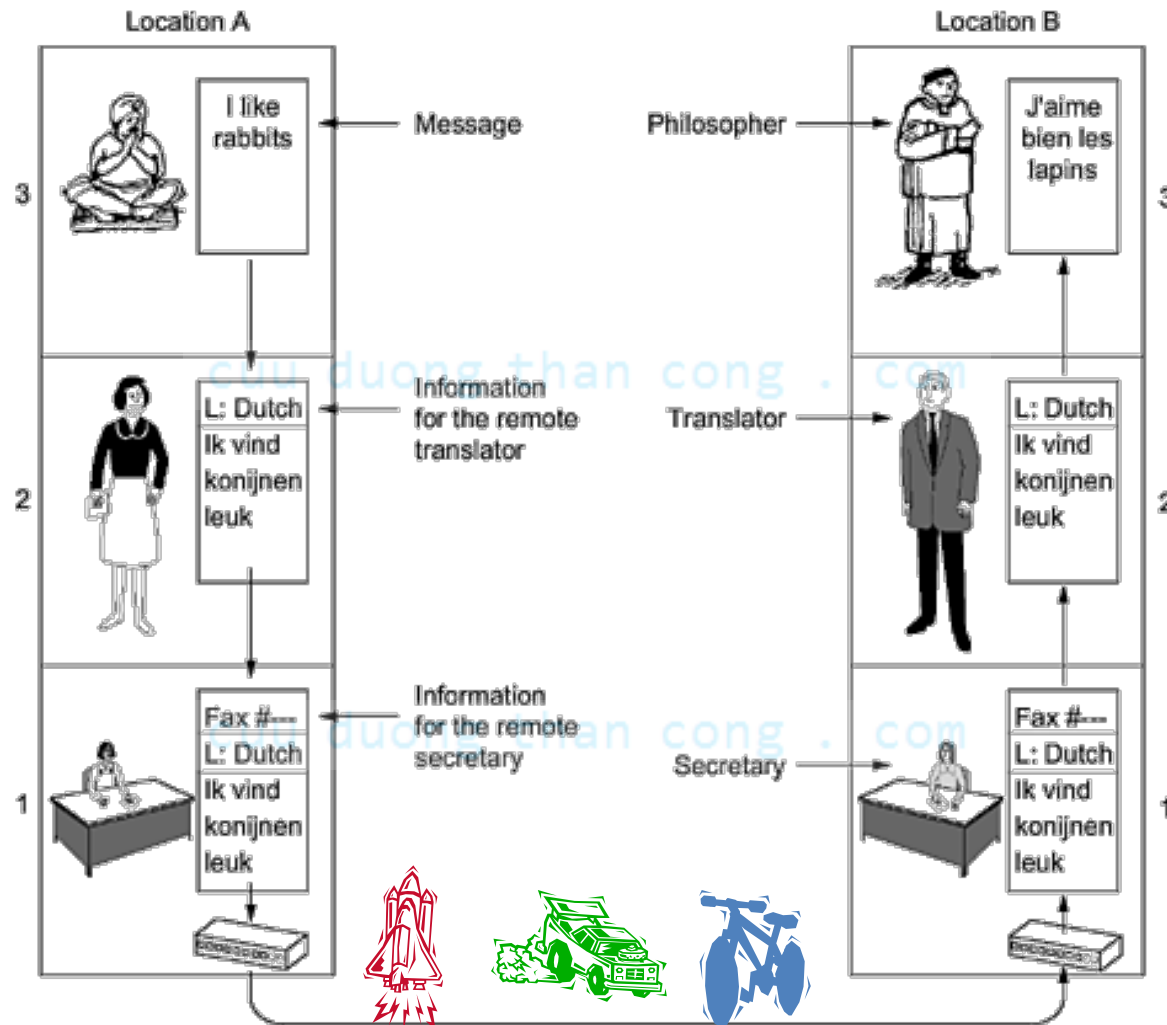
cuuduongthancong.com

cuuduongthancong.com

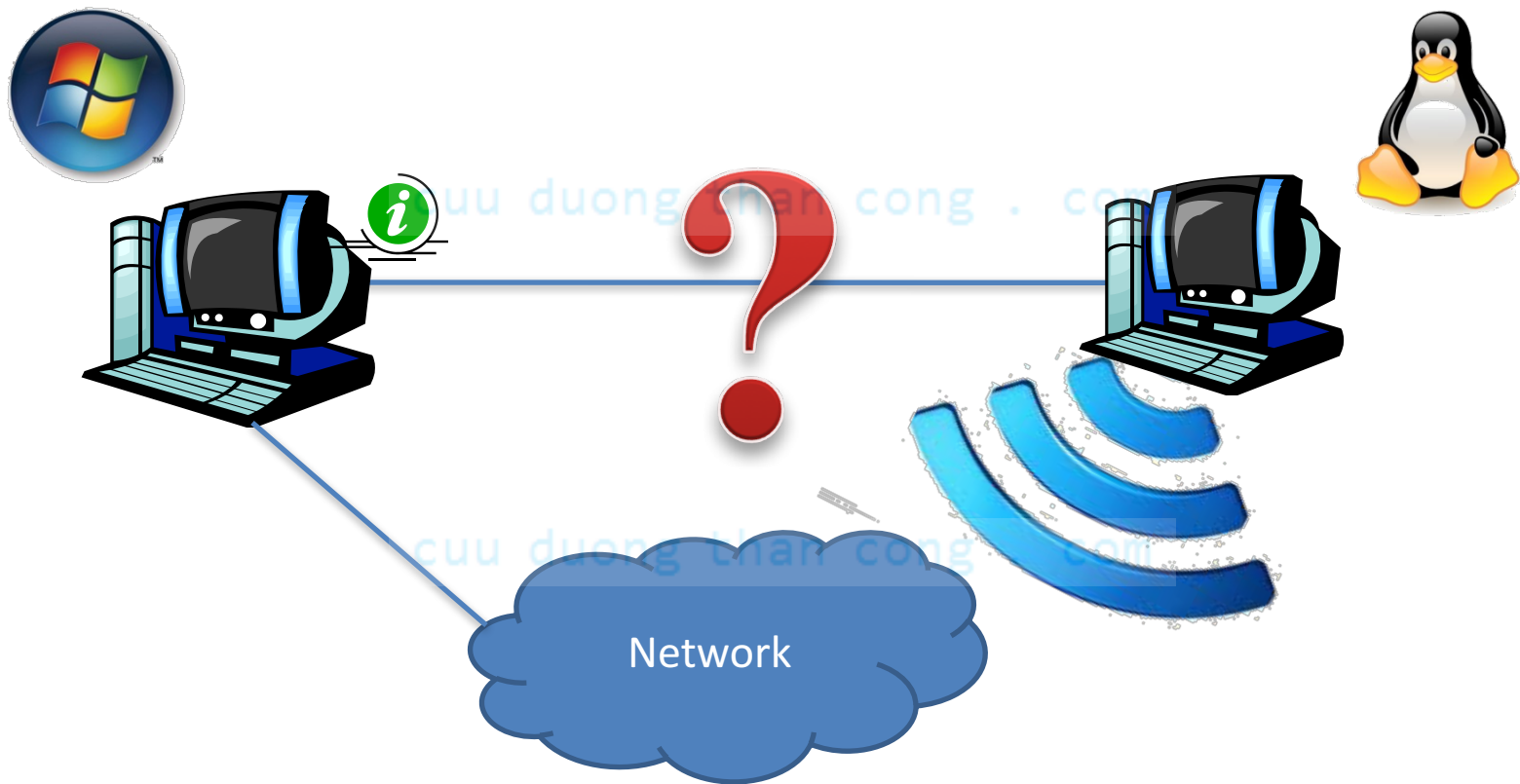
Giới thiệu - 1



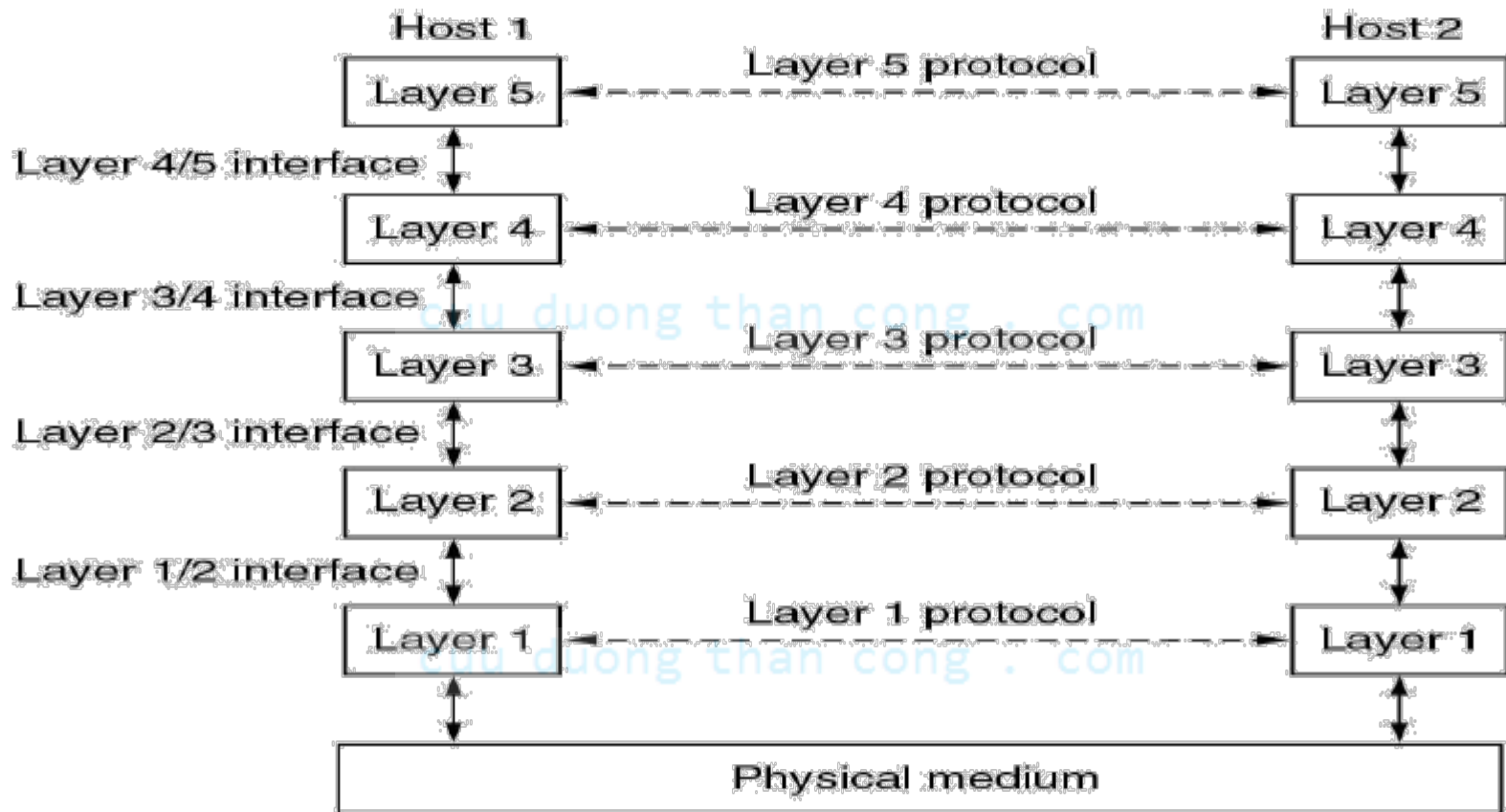
Giới thiệu - 2



Giới thiệu - 3



Giới thiệu - 4

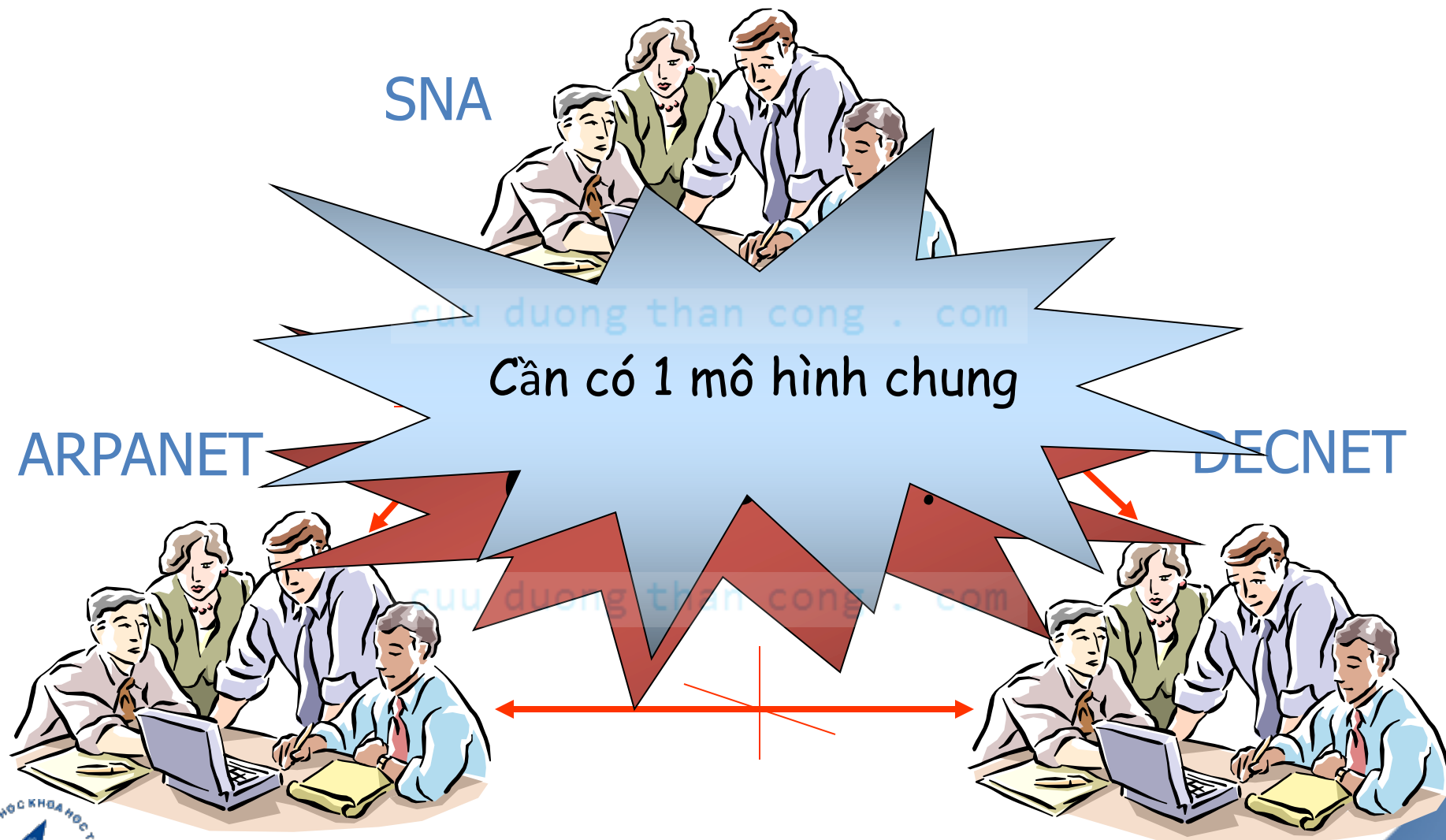


Giới thiệu - 5



- ❑ Xem mạng như là 1 chồng các lớp (layer)
- ❑ Lớp N cung cấp các dịch vụ cho lớp N+1
- ❑ Mỗi lớp trao đổi với nhau theo 1 giao thức
- ❑ Ưu điểm:
 - Mỗi lớp có 1 chức năng riêng, lớp N sử dụng dịch vụ do lớp N-1 cung cấp
 - Giảm độ phức tạp khi xử lý dữ liệu
 - Dễ quản lý
 - Dễ mở rộng, dễ phát triển
 - Đơn giản

Giới thiệu - 5



1. Giới thiệu
2. Mô hình OSI
3. Mô hình TCP/IP
4. Đóng gói dữ liệu

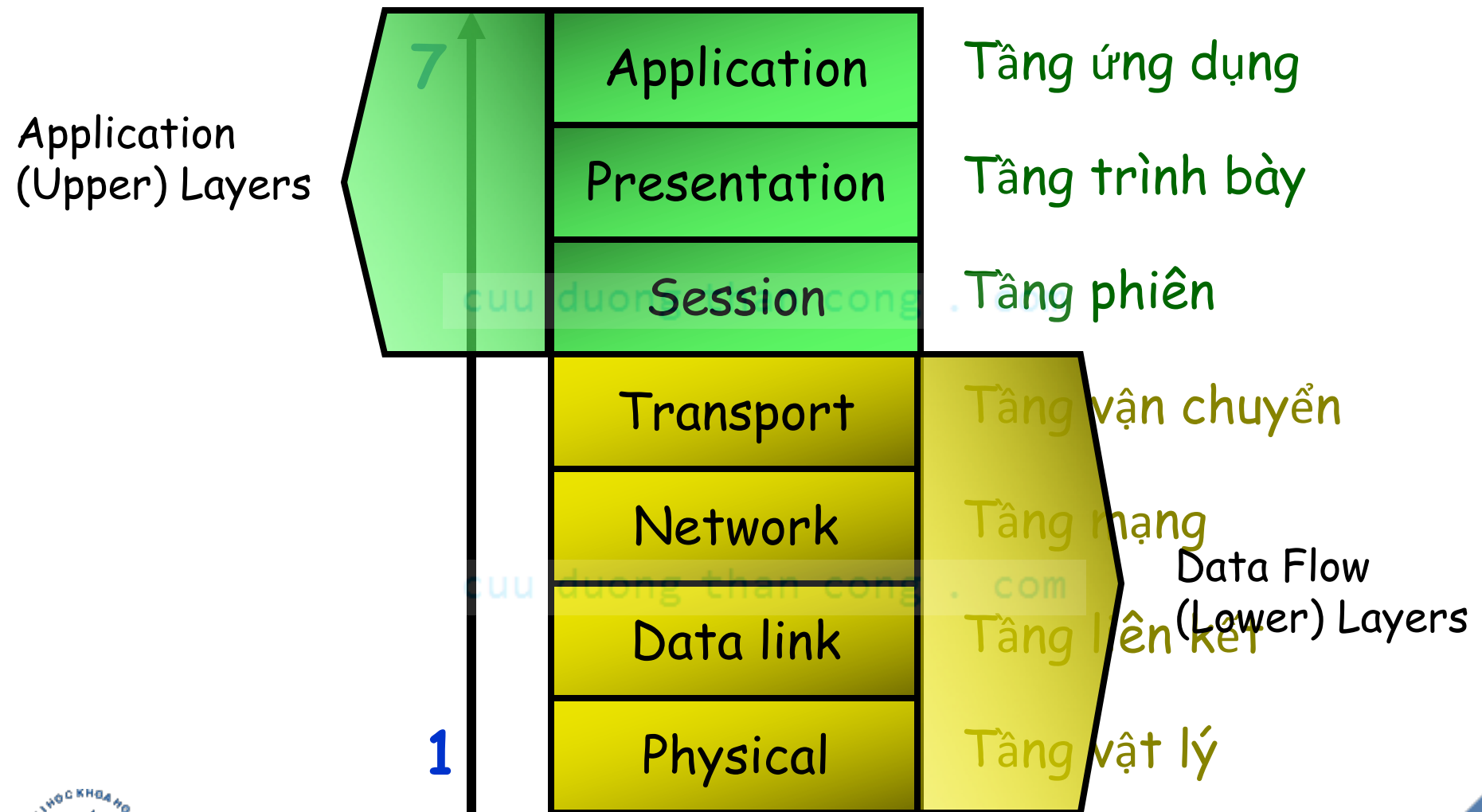
cuuduongthancong.com

cuuduongthancong.com

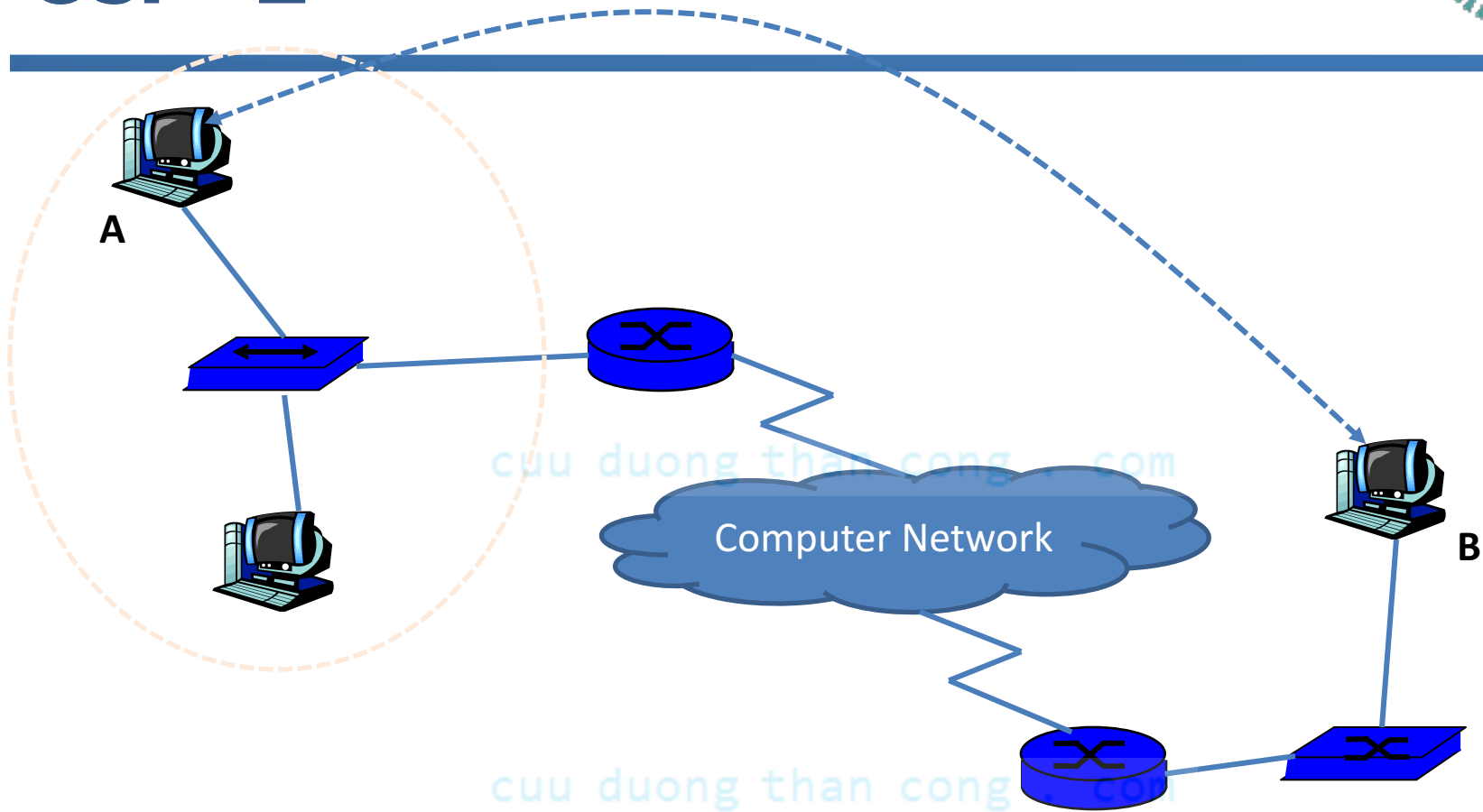
- ❑ Mô hình OSI (Open Systems Interconnection):
 - do tổ chức ISO (International Organization for Standardization) đề xuất từ 1977
 - công bố lần đầu vào 1984
 - Là **khung sườn** biểu diễn cách thông tin di chuyển trên mạng như thế nào

cuu duong than cong . com

OSI Model - 2



Osi - 2



OSI Model - 4

Application	Cung cấp các dịch vụ mạng
Presentation	Cách biểu diễn dữ liệu
Session	Quản lý các phiên của ứng dụng

OSI Model - 5

Transport	Truyền dữ liệu end-to-end
Network	Truyền dữ liệu host-host
Data link	Truyền dữ liệu link-link
Physical	Truyền dữ liệu nhị phân

1. Giới thiệu
2. Mô hình OSI
3. Mô hình TCP/IP
4. Đóng gói dữ liệu

cuuduongthancong.com

cuuduongthancong.com

Mô hình TCP/IP - 1



- ❑ TCP/IP - Transmission Control Protocol/Internet Protocol
- ❑ Do Cerf và Kahn định nghĩa vào năm 1974
- ❑ Đặc tả chồng giao thức

cuu duong than cong . com

cuu duong than cong . com

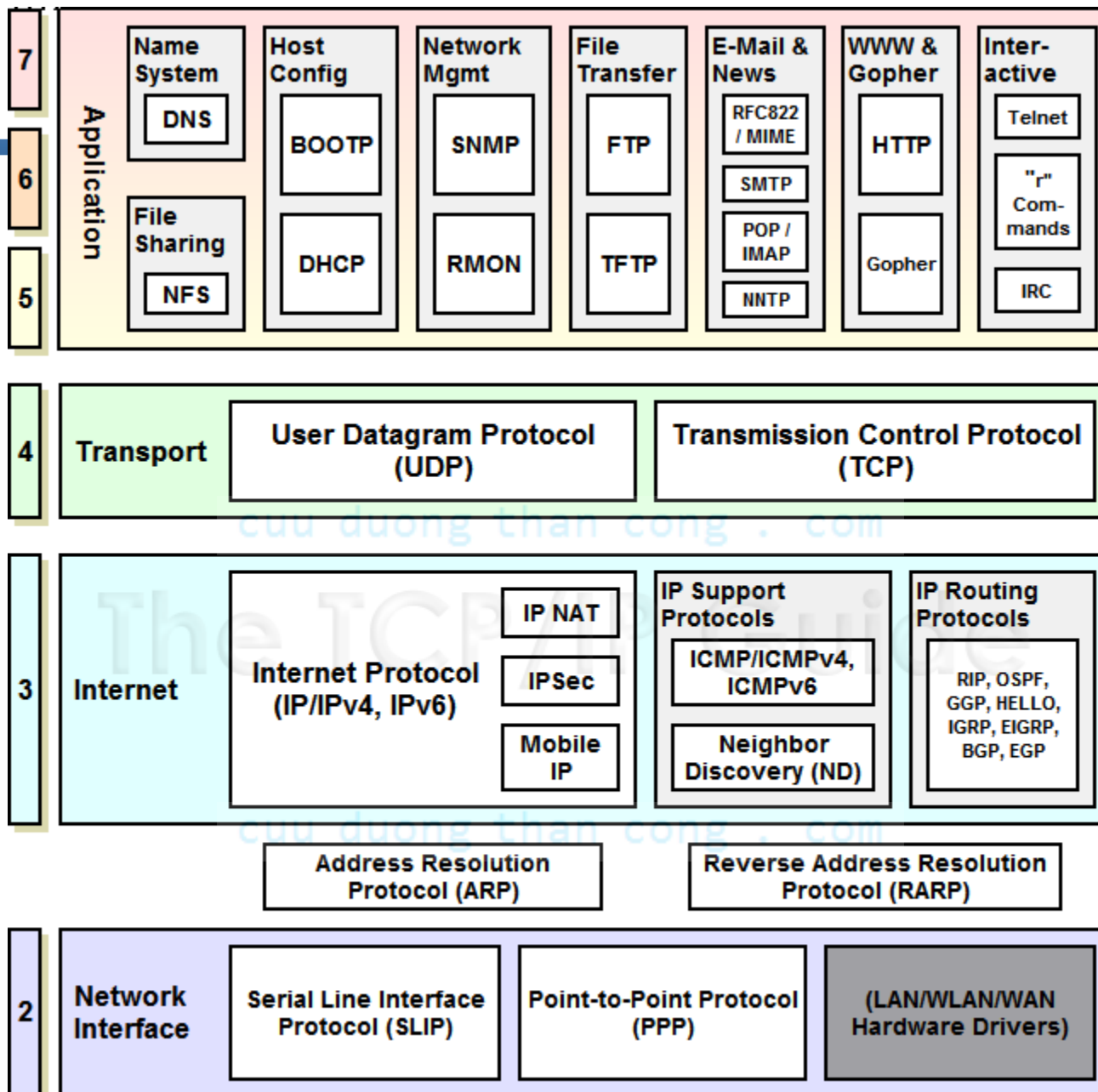
Mô hình TCP/IP - 2



OSI

TCP/IP

Application	Application
Presentation	
Session	
Transport	Transport
Network	Internet
Data link	Host to Network (Network Interface)
Physical	



1. Giới thiệu
2. Mô hình OSI
3. Mô hình TCP/IP
4. Đóng gói dữ liệu

cuuduongthancong.com

cuuduongthancong.com

Đóng gói dữ liệu - 1

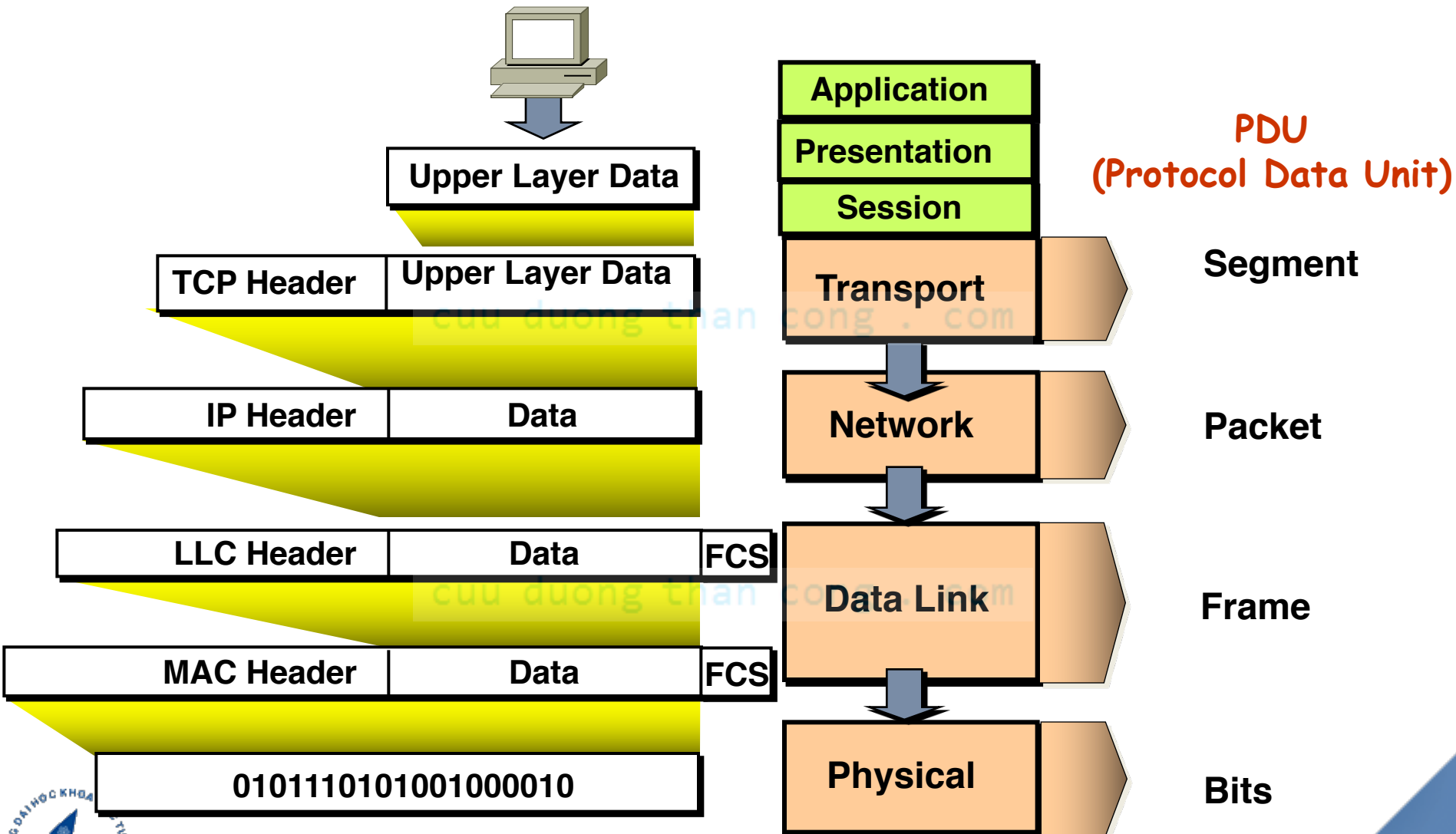


- ❑ Đóng gói dữ liệu = Encapsulation
- ❑ Là quá trình đóng gói dữ liệu với các thông tin của giao thức trước khi chuyển đi

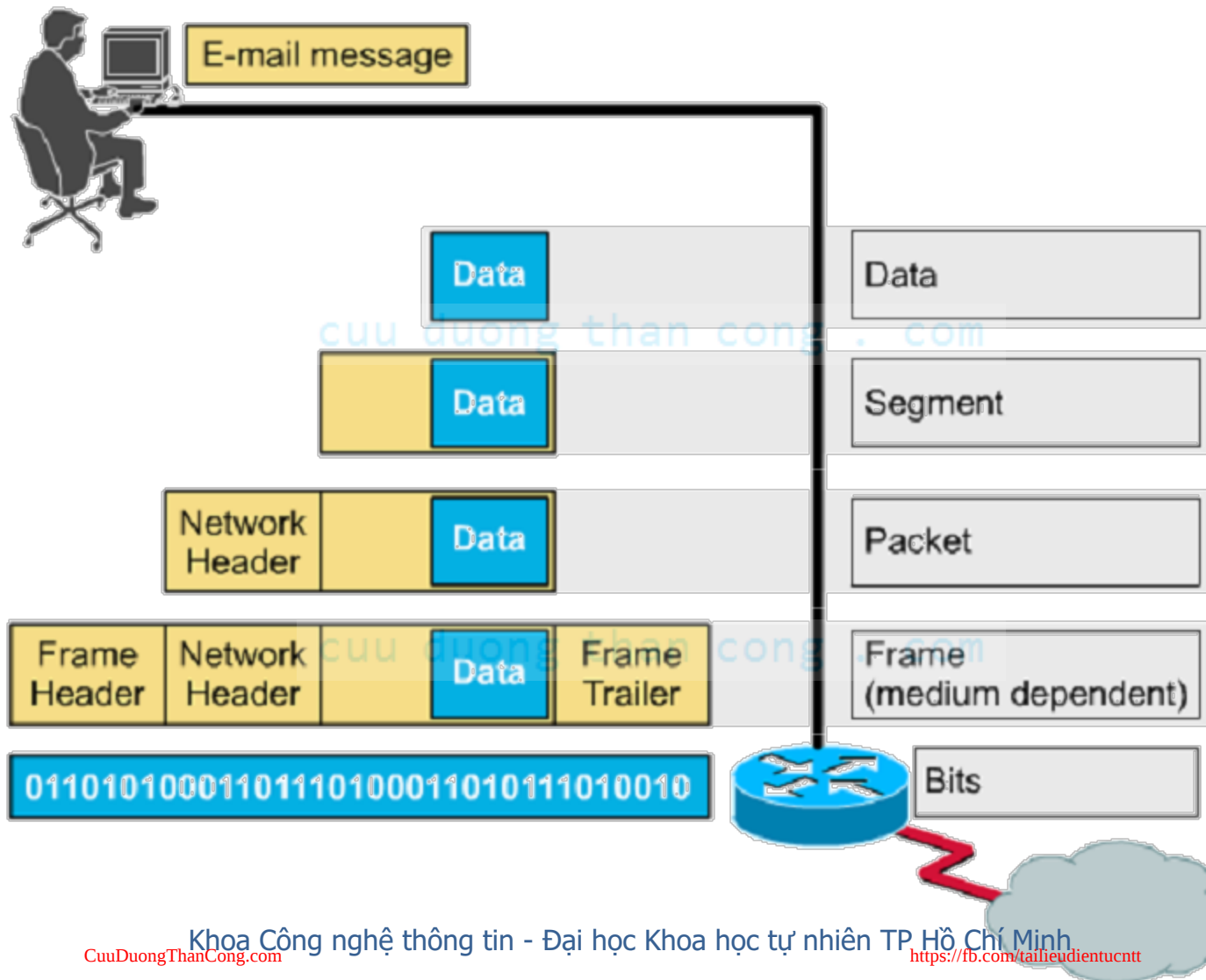
cuu duong than cong . com

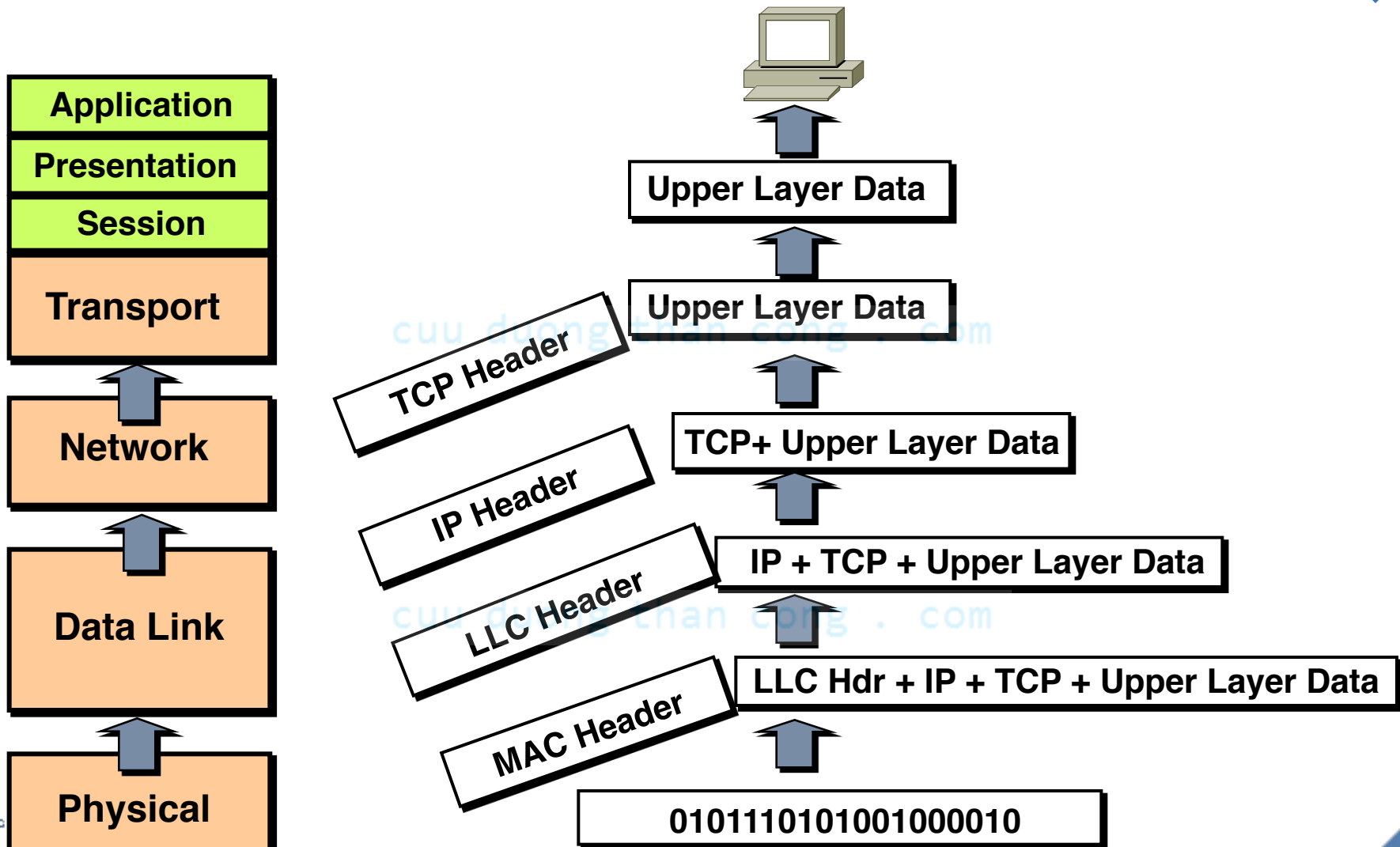
cuu duong than cong . com

Đóng gói dữ liệu - 2



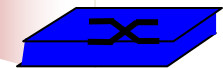
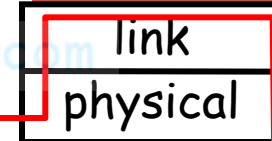
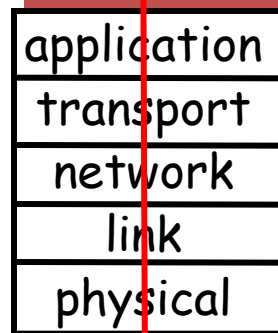
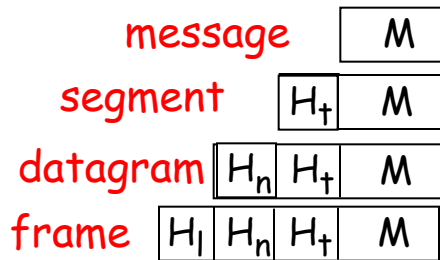
Đóng gói dữ liệu - 3





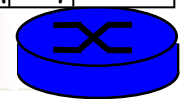
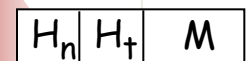
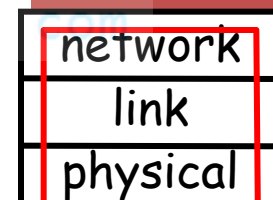
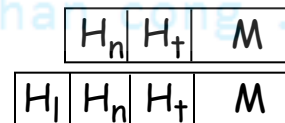
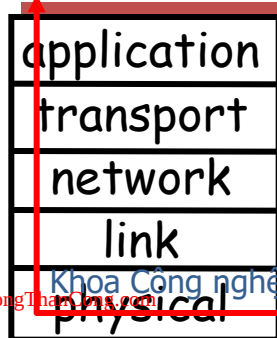
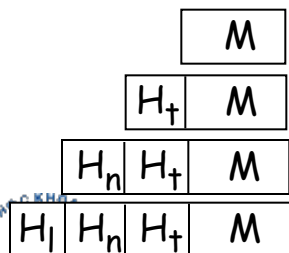
Minh họa

source



switch

destination



router



Phần 2

cuu duong than cong . com

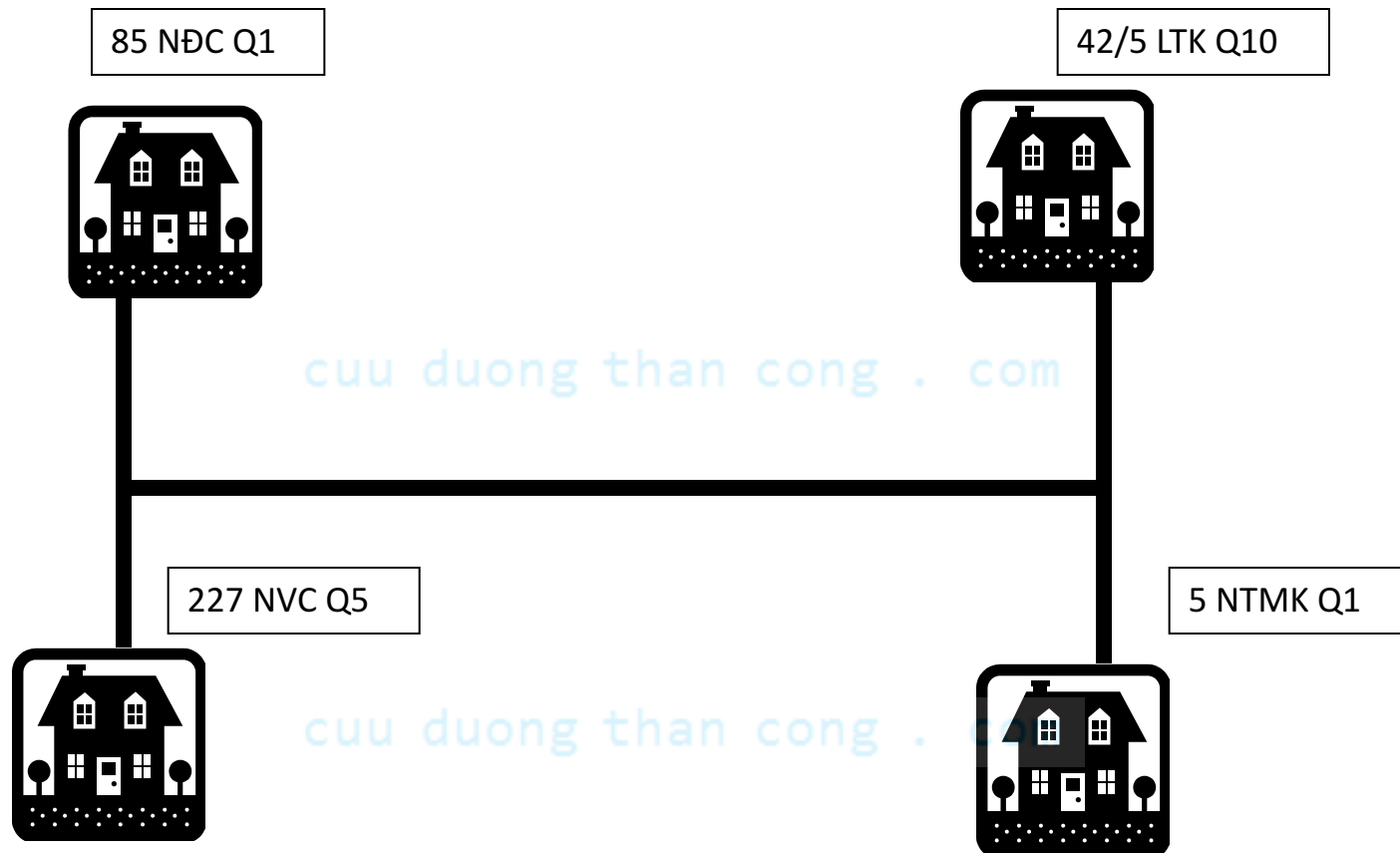
cuu duong than cong . com

1. Giới thiệu
2. Địa chỉ IP
3. Chia subnet

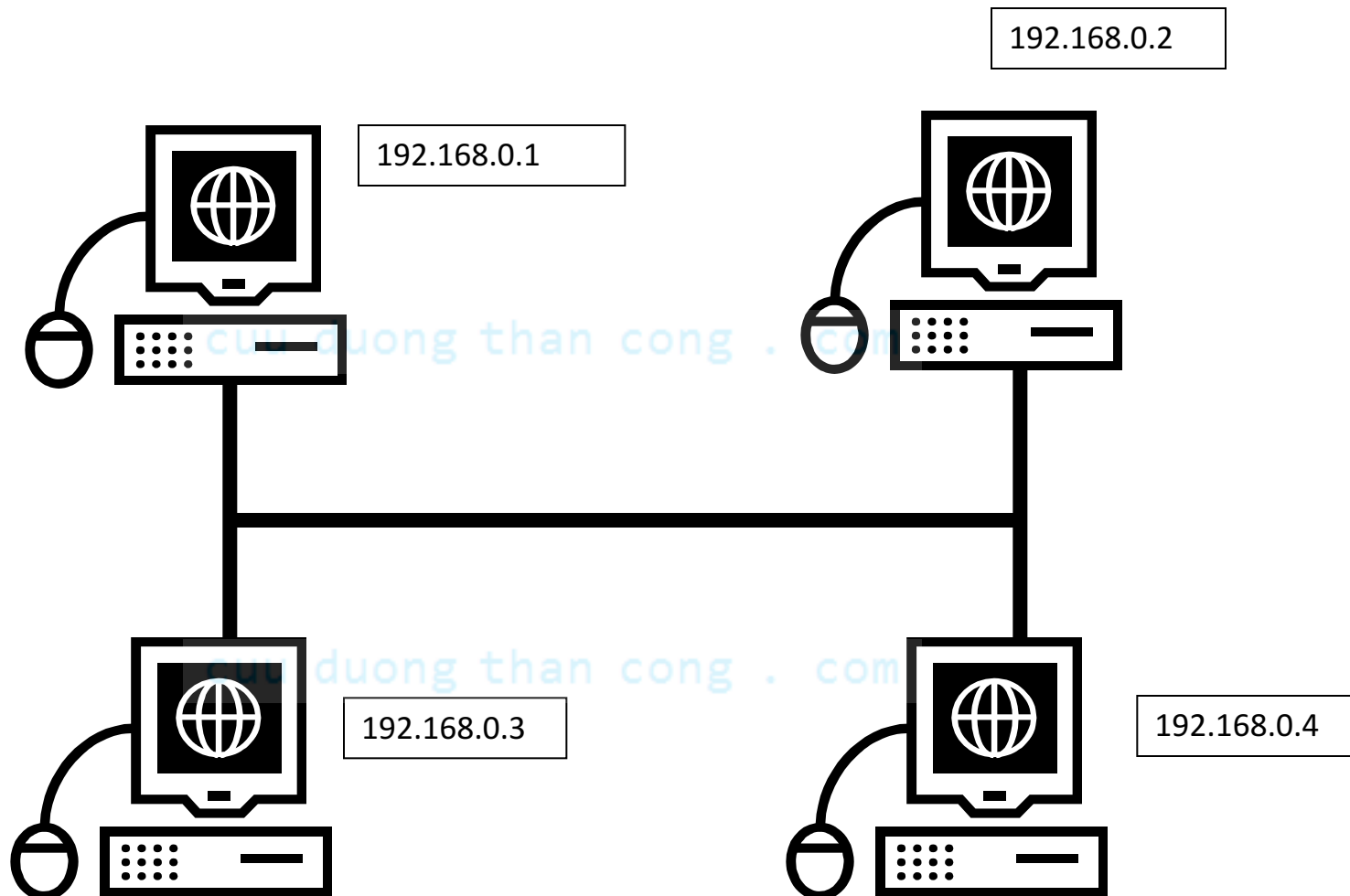
cuu duong than cong . com

cuu duong than cong . com

Giới thiệu - 1



Giới thiệu - 2



❑ Địa chỉ mạng (identifier):

- định danh của 1 node mạng

❑ Phân loại:

▪ Địa chỉ vật lý

- do nhà sản xuất ấn định trên sản phẩm
- VD: địa chỉ MAC (Media Access Control)

▪ Địa chỉ logic

- do người dùng ấn định
- VD: địa chỉ IP (Internet Protocol)

Nội dung



1. Giới thiệu
2. Địa chỉ IP
3. Chia subnet

cuu duong than cong . com

cuu duong than cong . com

❑ Tầng 3 trong mô hình OSI

❑ Version:

- IPv4
- IPv5 ([RFC 1819](#))
- IPv6

cuu duong than cong . com

cuu duong than cong . com

❑ Kích thước: 4 bytes (32 bits)

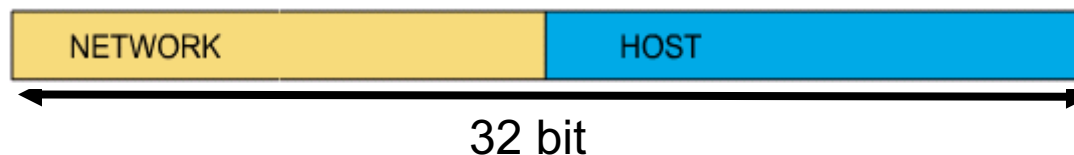
❑ Định dạng:

- Mỗi byte được biểu diễn bằng số thập phân, gọi là một octet
- hai octet được viết cách nhau bằng 1 dấu chấm “.”

VD: 10101100 00011101 00000001 00001010
172.29.1.10

❑ Chia thành 2 phần:

- Network ID (NetID)
- Host ID



Địa chỉ IPv4 - 2

172.29.1.10

NetID???

HostID???

SUBNET MASK

Địa chỉ IPv4 - 3



□ Subnet mask

- Dùng phân định phần NetID và HostID trong địa chỉ IPv4
- kích thước 4 bytes
 - các bit thuộc NetID có giá trị là 1
 - các bit thuộc HostID có giá trị là 0
- VD: 172.29.5.128/255.255.192.0
(hoặc 172.29.5.128/18)

HostIP	1010 1100	0001 1101	0000 0101	1000 0000
SubnetMask	1111 1111	1111 1111	1100 0000	0000 0000

Địa chỉ IPv4 - 5



❑ Địa chỉ đường mạng (Net Addr)

- Các bit thuộc NetID: giữ nguyên
- Các bit thuộc Host ID: xóa về 0

❑ Địa chỉ broadcast

- Các bit thuộc NetID: giữ nguyên
- Các bit thuộc Host ID: bật lên 1

VD: 192.168.1.2/24 → Net Addr: 192.168.1.0

→ đc broadcast: 192.168.1.255

HostIP	1100 0000	1010 1000	0000 0001	0000 0010
SubnetMask	1111 1111	1111 1111	1111 1111	0000 0000
Net Addr	1100 0000	1010 1000	0000 0001	0000 0000
Broadcast	1100 0000	1010 1000	0000 0001	1111 1111

Địa chỉ IPv4 - 6



- ❑ Hai node có cùng địa chỉ đường mạng thì thuộc cùng 1 đường mạng

192.168.1.2 và 192.168.1.200 → cùng 1 đường mạng

192.168.1.2 và 192.168.2.1 → khác đường mạng

cuu duong than cong . com

- ❑ Số địa chỉ host hợp lệ trong 1 đường mạng

- $2^m - 2$

- m là số bit trong phần HostID

VD: 172.29.1.1/16

→ $m = 32 - 16 = 16$

→ Số host trong 1 network = $2^{16} - 2$

cuu duong than cong . com

Địa chỉ IPv4 – 7

Phân lớp

Bits:	1	8	9	16	17	24	25	32
Class A	0NNNNNNN	Host		Host		Host		

Range (1-126)

Bits:	1	8	9	16	17	24	25	32
Class B	10NNNNNNN	Network		Host		Host		

Range (128-191)

Bits:	1	8	9	16	17	24	25	32
Class C	110NNNNN	Network		Network		Host		

Range (192-223)

Bits:	1	8	9	16	17	24	25	32
Class D	1110MMMM	Multicast Address						

Range (224-239)

Bits:	1	8	9	16	17	24	25	32
Class E	1111MMMM	Reserved For Future Use						

Range (240-255)

Địa chỉ IPv4 - 8



❑ Subnet mask mặc định:

- Lớp A: 255.0.0.0 (/8)
- Lớp B: 255.255.0.0 (/16)
- Lớp C: 255.255.255.0 (/24)

❑ VD:

15.19.18.29



00001111

- Lớp A
- Subnet mask mặc định: 255.0.0.0

Địa chỉ IPv4 – 9



□ Cho địa chỉ IP: 172.29.7.10

- Lớp:
- Net Addr :
- Số host trong cùng network:
- Các địa chỉ của host: [ng than cong . com](http://ngthancong.com)
- Địa chỉ broadcast:

[cuu duong than cong . com](http://cuuduongthancong.com)

Địa chỉ IPv4 – 10



□ Cho địa chỉ IP: 172.29.7.10

- Lớp: B
- Net Addr : 172.29.0.0
- Số host trong cùng network: $2^{16}-2$
- Các địa chỉ: 172.29.0.1 – 172.29.255.254
- Địa chỉ broadcast: 172.29.255.255

cuu duong than cong . com

Địa chỉ IPv4 - 11



□ Phân loại:

- Địa chỉ public:
 - dùng để trao đổi trên Internet
 - Địa chỉ thật
- Địa chỉ private
 - Dùng để đánh địa chỉ cho các mạng LAN bên trong 1 tổ chức
 - Địa chỉ ảo
- Địa chỉ loopback: 127.0.0.0 – 127.255.255.255

Table 2-4 Private IP Address Information

Class	Address (range)	Networks	Total Private Hosts
Class A	10.0.0.0	1	16,777,214
Class B	172.16.0.0–172.31.0.0	16	1,048,544
Class C	192.168.0.0–192.168.255.0	256	65,024

Nội dung



1. Giới thiệu
2. Địa chỉ IP
3. Chia subnet

cuu duong than cong . com

cuu duong than cong . com

Chia subnet - 1



□ Mục tiêu:

- giảm số lượng node → Tăng thông lượng mạng
- Tăng tính bảo mật
- Dễ quản trị
- Dễ bảo trì
- Tránh lãng phí địa chỉ IP

cuu duong than cong . com

cuu duong than cong . com

Chia subnet - 2



❑ Qui tắc:

- Mượn các **bit đầu** trong HostID làm NetID
- Số subnet = 2^n (n: số bit vay mượn phần HostID)

❑ Lên kế hoạch:

- Số subnet cần chia
- Số node trong mỗi subnet

cuu duong than cong . com

cuu duong than cong . com

Chia subnet – 3.1: Ví dụ 1



- Công ty A được cấp đc đường mạng là: **172.29.0.0/16**. Công ty muốn chia thành **10** subnet trong đó có 3 subnet có 100 PCs, 4 subnet có 255 PCs, 3 subnet có **500** PCs

Dùng 4 bit chia subnet

Chia subnet – 3.2: Ví dụ 1



□ Các subnet:

Subnet	Net Addr	HostIP	Broadcast
0000 0000	172.29.0.0	172.29.0.1-172.29.15.254	172.29.15.255
0001 0000	172.29.16.0	172.29.16.1-172.29.31.254	172.29.31.255
0010 0000	172.29.32.0	172.29.32.1-172.29.47.254	172.29.47.255
0011 0000	172.29.48.0	172.29.48.1-172.29.63.254	172.29.63.255
0100 0000	172.29.64.0	172.29.64.1-172.29.79.254	172.29.79.255
0101 0000	172.29.80.0	172.29.80.1-172.29.95.254	172.29.95.255
...	...	...	...

Chia subnet – 3.3: Ví dụ 1



Net Addr		Subnet Mask
172.29.0.0	1111 0000	255.255.240.0
172.29.16.0	1111 0000	255.255.240.0
172.29.32.0	1111 0000	255.255.240.0
172.29.48.0	1111 0000	255.255.240.0
172.29.64.0	1111 0000	255.255.240.0
172.29.80.0	1111 0000	255.255.240.0
...	...	...

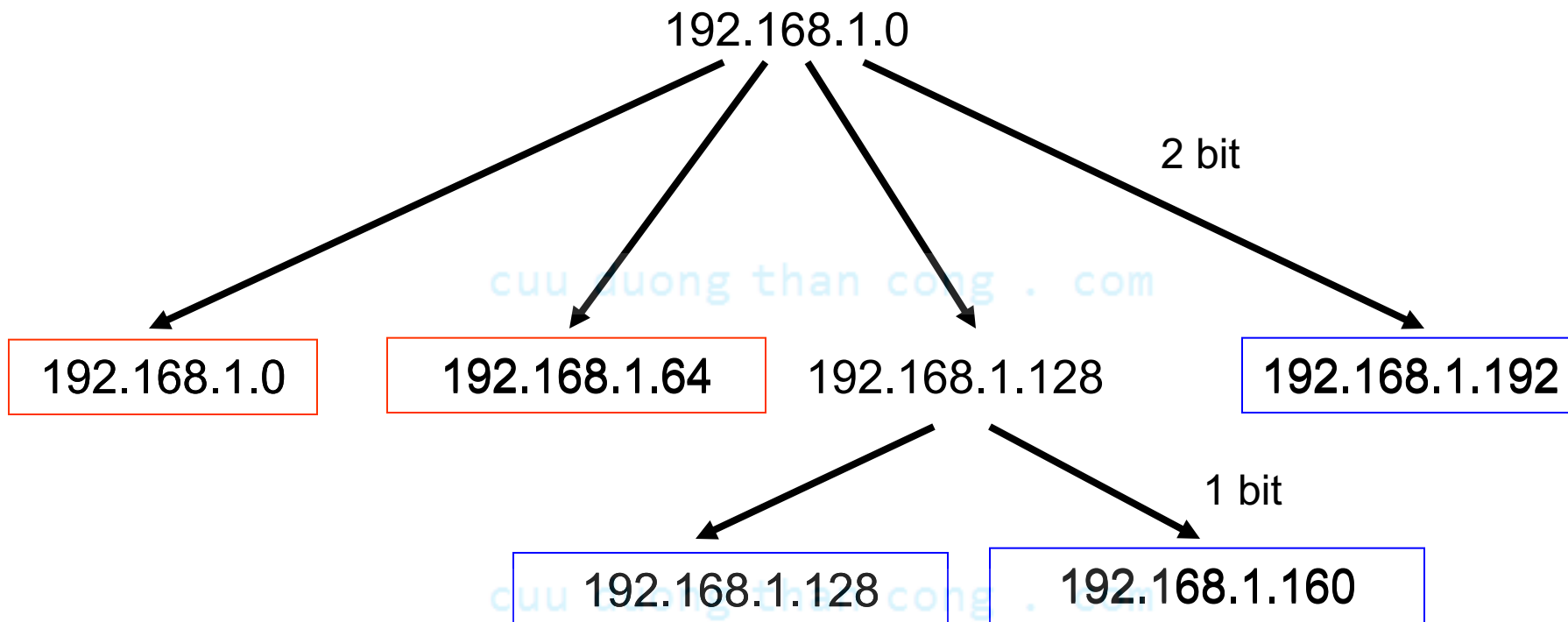
Chia subnet – 4.1: Ví dụ 2



- Ví dụ 1: Công ty B được cấp đc đường mạng là: 192.168.1.0. Công ty muốn chia thành 5 subnet trong đó có 3 subnet có 30 PCs, 2 subnet có 60 PCs



Chia subnet – 4.2: Ví dụ 2



Chia subnet – 4.3: Ví dụ 2

Net Addr		Subnet Mask
192.168.1.0	1100 000	255.255.255.192
192.168.1.64	1100 000	255.255.255.192
192.168.1.172	1100 000	255.255.255.192
192.168.1.128	1110 000	255.255.255.224
192.168.1.160	1110 000	255.255.255.224

Chia subnet - 5

□ Giá trị các subnetmask:

128	64	32	16	8	4	2	1	
↓	↓	↓	↓	↓	↓	↓	↓	
0	0	0	0	0	0	0	0	= 0
1	0	0	0	0	0	0	0	= 128
1	1	0	0	0	0	0	0	= 192
1	1	1	0	0	0	0	0	= 224
1	1	1	1	0	0	0	0	= 240
1	1	1	1	1	0	0	0	= 248
1	1	1	1	1	1	0	0	= 252
1	1	1	1	1	1	1	0	= 254
1	1	1	1	1	1	1	1	= 255

ICND20GR_133

Cho 172.100.112.4/19. Hãy cho biết:

1. Địa chỉ trên thuộc về đường mạng nào?
2. Số IP hợp lệ có thể dùng trong đường mạng đó. Và hãy cho biết gồm những địa chỉ nào?
3. Địa chỉ broadcast của đường mạng đó
4. Với địa chỉ đường mạng trên, hãy chia thành 5 subnet như sau: 2 subnet có 1000 host, 2 subnet có 500 host, 1 subnet có 100 host
5. Với địa chỉ đường mạng trên, hãy chia thành 17 subnet như sau: 4 subnet có 1000 host, 6 subnet có 500 host, 7 subnet có 100 host